

# NGOẠI GIAO HOA KỲ TRONG CUỘC CHIẾN TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP (1773 - 1783)

Lê Thành Nam

*Khoa Lịch Sử, ĐHSP Huế*

Sau phát hiện của C. Columbus (1492), một “Tân thế giới” được mở ra. Người châu Âu dưới nhiều lý do khác nhau tìm đường sang định cư ở vùng đất mới. Năm 1607, khu định cư đầu tiên của người Anh được thiết lập ở Jamestown. Đến năm 1752, nước Anh thiết lập được 13 thuộc địa ở vùng Đông Bắc châu Mỹ bên bờ Đại Tây Dương. Buổi đầu, quan hệ giữa “mẫu quốc” với cư dân thuộc địa diễn ra khá êm đềm. Nửa sau thế kỷ XVIII, do thực dân Anh tăng cường chính sách áp bức trên nhiều lĩnh vực, như cấm sản xuất hàng công nghiệp, cấm xây dựng nhà máy luyện sắt, cấm mở doanh nghiệp, tăng thuế,... đối với các thuộc địa. Do vậy, mâu thuẫn giữa chính quốc và thuộc địa ngày càng trở nên căng thẳng. Sự kiện chèn Boston (tháng 12/1773)<sup>1</sup> đã làm bùng nổ Cuộc chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ.

Tới ngày 4/7/1776, khi cuộc chiến tranh đang còn diễn ra hết sức ác liệt, tại thành phố Philadelphia, Hội nghị lục địa lần thứ hai gồm đại biểu của hầu hết các thuộc địa<sup>2</sup>, đã cho ra đời bản “Tuyên ngôn độc lập” (Declaration of Independence). Với “Tuyên ngôn độc lập”, 13 thuộc địa chính thức tuyên bố cắt đứt sự lệ thuộc Anh và thành lập một quốc gia mới mang tên là “The United States of America”, thường được gọi là Mỹ hoặc Hoa Kỳ. Lần đầu tiên một quốc gia “người Âu nằm ngoài

lãnh vực châu Âu” được khai sinh ở Tây bán cầu.

Tuy đã tuyên bố độc lập, song trên thực tế để cho bản “Tuyên ngôn độc lập” trở thành hiện thực, nhân dân Mỹ còn phải tiếp tục cuộc chiến đấu bởi Chính phủ Anh vẫn chưa từ bỏ ách thống trị của chúng ở Bắc Mỹ một cách “tự nguyện”, bằng chứng là Chính phủ Anh vẫn tiếp tục đưa quân sang Bắc Mỹ, tiếp tục cuộc chiến tranh chống lại khát vọng độc lập của nhân dân Mỹ, nhằm lập lại ách thống trị của chúng ở đây như trước năm 1773.

Trước tình hình đó, ngoài nội lực là sức mạnh của quần chúng nhân dân được phát huy đến mức tối đa, Chính quyền Mỹ với tư cách là chính quyền của một quốc gia độc lập đã bắt tay ngay vào việc thực hiện chính sách ngoại giao nhằm bảo vệ những thành quả cách mạng đã đạt được trước diễn biến tình hình quốc tế khá phức tạp, đang đe dọa đến sự tồn vong của nó. Nền ngoại giao Hoa Kỳ hình thành từ đây và đã để lại những dấu ấn sâu sắc trong lịch sử của nó.

Cuộc chiến tranh giành độc lập của nhân dân Bắc Mỹ (1773-1783) diễn ra trong bối cảnh quan hệ quốc tế, cụ thể là quan hệ giữa các nước châu Âu, chứa đựng đầy mâu thuẫn. Nổi bật lên là mâu thuẫn giữa Anh và Pháp về việc mở rộng lãnh thổ ở Bắc Mỹ. Sau các cuộc phát kiến địa lý, cả Anh và Pháp theo đuổi chính sách thực dân ở Bắc Mỹ, Anh thiết lập thuộc địa

đọc bờ biển Đại Tây Dương; còn Pháp chiếm Canada, vùng ven Ngũ Hồ (Great Lakes) và vùng cửa sông Mississippi. Điều tất yếu, sự va chạm về quyền lợi đất đai giữa Anh và Pháp ở Bắc Mỹ là không thể tránh khỏi. Để giải quyết vấn đề trên, hai bên tiến hành 4 cuộc chiến tranh trên phạm vi hai lục địa Âu - Mỹ: Chiến tranh Palatinate (1688-1697), Chiến tranh Thừa kế Tây Ban Nha (1701-1713), Chiến tranh Thừa kế Áo (1740-1748) và Chiến tranh Bảy năm (1756-1763). Cả bốn cuộc chiến tranh này, nước Pháp đều thất bại, chấp nhận ký hoà ước Paris (1763). Theo hoà ước này, Anh chiếm Canada, Nova Scotia, Cape Breton và Florida<sup>3</sup>. Nước Pháp từ bỏ chủ quyền đất đai tại đây.

Rõ ràng, vị thế của Pháp bị suy giảm sau các cuộc chiến tranh như đã nêu trên. Do vậy, Pháp trông chờ cơ hội để phục thù Anh, qua đó để phục hồi vị thế của mình ở lục địa châu Âu, làm cho tương quan lực lượng giữa Pháp và Anh trở nên cân bằng hơn; hơn thế nữa khi vị thế của mình được phục hồi thì Pháp có thể kiềm chế sự lớn mạnh của các thế lực phong kiến phía Đông: Phổ, Áo và Nga. Bằng chứng là ba quốc gia này tiến hành chia cắt Ba Lan (1772) và có tham vọng xâm lược vương triều Ottoman<sup>4</sup>. Hiện trạng đó, một mặt, làm mất sự ổn định ở lục địa châu Âu, mặt khác, đe dọa quyền “minh chủ” của nước Pháp trên lục địa châu Âu.

Điều cần chú ý là khi cuộc Chiến tranh giành độc lập các thuộc địa của Anh tại Bắc Mỹ khởi phát, nhân dân Pháp nói chung, đặc biệt là giới trí thức đang hướng đến nước Mỹ, nơi đang bắt đầu thực hiện “những hoài bão của các nhà Khai sáng Pháp”. Dư luận Pháp đã chăm chú theo dõi và đã bày tỏ cảm tình đối với nhân dân Mỹ.

“Giới trí thức Pháp rất vui mừng khi được biết các thuộc địa Bắc Mỹ long trọng công bố những nguyên tắc chính trị mà họ hằng mong ước thực hiện”<sup>5</sup>. Nhiều sĩ quan trẻ tuổi Pháp thuộc tầng lớp quý tộc, như Quận công La Fayette, Hầu tước De Lauzun, Bá tước Ségur,... tình nguyện sang Mỹ cùng tham gia chiến đấu với quân đội của G. Washington.

Tình hình trong nước cũng như ở Bắc Mỹ đang ủng hộ ý đồ trả thù của Pháp đối với Anh. Năm 1776, qua trung gian là một công ty thương mại do văn hào A.C. Beaumarchais điều hành<sup>6</sup>, Chính phủ Pháp đã gửi trợ giúp nhân dân Mỹ 2 triệu lạng bạc, 200 khẩu đại bác, 4.000 lều vải và 30.000 bộ quân phục<sup>7</sup>. Tuy vậy, thái độ của Chính phủ Pháp vẫn còn tỏ ra dè dặt, chưa có quyết định dứt khoát về việc đứng chung với Mỹ, hình thành một liên minh chống Anh, bởi trong nội các Louis XVI đang có sự bất đồng về quan điểm. Một phái do Tổng trưởng tài chính - Turgot đứng đầu, cho rằng tình hình tài chính của Pháp không đủ để chi phí cho nước Pháp tham gia vào cuộc chiến; còn phái kia do Tổng trưởng Ngoại giao - Vergennes đứng đầu, cho rằng nước Pháp cần tận dụng chiến tranh nhằm làm nước Anh suy yếu. J.G. Comb, nhà sử học Mỹ, viết: “Nếu cuộc chiến tranh của nhân dân Bắc Mỹ thắng lợi thì góp phần phá sản chính sách thương mại, tài chính và suy giảm sức mạnh của hải quân Anh. Sự suy giảm của người Anh là cơ hội để người Pháp tái khôi phục chủ quyền các đảo Tây Ấn, Newfoundland, chiếm lại Canada”<sup>8</sup>. May mắn cho nước Mỹ, Turgot nhanh chóng mất sự tín nhiệm của Louis XVI và bị gạt khỏi chức vụ vào tháng 5/1776. Phe Vergennes thắng thế.

Nắm bắt tình hình trên đây, Chính quyền Mỹ, đứng đầu là G.

Washington, bắt tay hoạch định một đường lối ngoại giao khôn khéo nhằm kéo nước Pháp về phía mình để hình thành liên minh Mỹ - Pháp chống Anh. Tháng 11/1776, Chính phủ Mỹ cử Benjamin Franklin tới Paris để thương lượng nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra. Ngay từ đầu, B. Franklin được nhân dân Paris đón tiếp nồng nhiệt. Tuy nhiên, bằng trí thông minh và tài ngoại giao khéo léo, trong những cuộc tiếp xúc ban đầu, B. Franklin hiểu rằng thời cơ chưa chín muồi để thực hiện sứ mạng của mình. Phải đợi đến cuối năm 1777, sau khi Chính phủ Pháp nhận được tin về sự thất bại của quân Anh trong trận Saratoga (tháng 10/1777), B. Franklin mới đặt ra trên bàn hội nghị việc thiết lập liên minh Mỹ - Pháp. Kết quả tức thời là vào ngày 6/2/1778, Vergennes ký với B. Franklin một hiệp ước thương mại và một hiệp ước liên minh. Hiệp ước thương mại nói rõ: "Nước Pháp công nhận nước Mỹ và dành những quyền buôn bán cho Mỹ"<sup>9</sup>; Hiệp ước Liên minh chống Anh quy định rằng: "Nếu Pháp tham chiến thì không nước nào được hạ vũ khí cho đến khi nước Mỹ giành được độc lập, rằng không nước nào được ký kết hoà bình với nước Anh mà không có sự chấp thuận của nước kia, và mỗi nước phải bảo đảm các thuộc địa của nước kia ở Mỹ"<sup>10</sup>.

Sau khi hiệp ước liên minh Mỹ - Pháp được ký kết, Chính phủ Pháp từng bước hình thành khối đồng minh các nước châu Âu nhằm cô lập nước Anh. Năm 1779, Pháp lôi kéo Tây Ban Nha, một nước vốn mâu thuẫn với Anh về sở hữu vùng Gibraltar và Minorque, tạo thành liên minh chống Anh. Vergennes còn đẩy mạnh các hoạt động nhằm khơi sâu mối bất đồng giữa Anh với các nước khác ở

châu Âu về việc Anh tự gán cho mình cái quyền khám xét tất cả mọi thuyền bè lưu thông trên Đại Tây Dương, kể cả các quốc gia trung lập, nhằm ngăn chặn các nước này vận chuyển khí giới hỗ trợ cho các thuộc địa Bắc Mỹ chống Anh. Kết quả, năm 1780, Hà Lan tuyên bố đoạn giao với Anh. Các nước Nga, Đan Mạch và Thụy Điển thiết lập liên minh trung lập vào năm 1781. Nói cách khác, qua nỗ lực ngoại giao của Vergennes, các nước Hà Lan, Nga, Đan Mạch và Thụy Điển, ở những mức độ khác nhau, đã gián tiếp ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Mỹ.

Do cùng một lúc phải đương đầu với nhiều thế lực trên các trận tuyến khác nhau, như ở Bắc Mỹ, quần đảo Antiles, trên mặt biển châu Âu và Ấn Độ dương, lực lượng Anh nhanh chóng bị suy yếu. Trong lúc đó, nhờ có sự chi viện kịp thời của Pháp, cuộc chiến đấu của nhân dân Bắc Mỹ chống Anh ngày càng lớn mạnh, nhất là về thủy chiến.

Tháng 7/1780, hạm đội Pháp chiếm giữ vịnh Chesapeake. Cùng thời gian, Pháp cũng gửi tới Bắc Mỹ một đội quân gồm 6.000 người dưới sự chỉ huy của Bá tước Jean de Rochambeau. Đội quân này hợp lực với hạm đội Pháp (đang tham chiến tại Bắc Mỹ) và quân đội G. Washington vây hãm Yorktown, một tỉnh nhỏ trên bờ biển Virginia, nơi quân Anh đồn trú với số lượng 8.000 người do Tướng Cornwallis chỉ huy. Sau 20 ngày bao vây, ngày 19/9/1781, Cornwallis buộc phải hạ khí giới. Trong lúc đó, trên "mặt trận Ấn Độ dương", các hạm đội Pháp cùng "chia lửa" với hải quân Mỹ, gây cho hải quân Anh nhiều tổn thất nặng nề.

Cục diện chiến tranh trên đây buộc Anh phải ngồi vào bàn hội nghị đàm phán hoà bình với Mỹ. Ngày 3/9/1783, Anh buộc phải ký kết hiệp định đình

chiến với Mỹ tại Versailles. Với Hiệp ước Versailles, “Anh thừa nhận Mỹ, bao gồm: New Hampshire, vịnh Massachusetts, Rhode Island và Providence Plantations, Connecticut, New York, New Jersey, Pennsylvania, Delaware, Maryland, Virginia, North Carolina, South Carolina và Georgia là các bang tự do, có chủ quyền và độc lập; rằng Anh đối xử với các bang như đối xử với chính mình; và bắt đầu từ đây, các chính phủ đương nhiệm và các chính phủ kế tiếp của nước Anh từ bỏ tất cả yêu sách các quyền về mặt nhà nước, tài sản, lãnh thổ ở các thuộc địa” (Điều 1); “lãnh thổ của các thuộc địa này, được giới hạn giữa Great Lakes về phía Bắc, sông Mississippi về phía Tây và các thuộc địa Tây Ban Nha về phía Nam” (Điều 2); “nước Mỹ được quyền đánh cá trong các miền biển Newfoundland thuộc Anh” (Điều 3)...<sup>11</sup>

Hiệp ước Versailles đã hiện thực hoá nội dung của bản “Tuyên ngôn độc lập”, nước Cộng hoà Mỹ mới ra đời đã được giữ vững, đánh dấu sự thắng lợi hoàn toàn của cuộc Chiến tranh giành độc lập của nhân dân Mỹ. Rõ ràng là trong thắng lợi của “cuộc chiến tranh giải phóng vĩ đại để chống lại bọn Anh áp bức”<sup>12</sup> của nhân dân Mỹ, đòn tấn công ngoại giao giữ một vai trò hết sức quan trọng. Chính nhờ nắm bắt được những mâu thuẫn giữa các quốc gia châu Âu với nước Anh, đặc biệt là Pháp, nước đang trông chờ cơ hội để làm suy giảm thế lực của Anh; và nửa sau thế kỷ XVIII, trào lưu tư tưởng dân chủ của các nhà Khai sáng như Voltaire, Montesquieu, Rousseau,... đang xâm nhập mạnh mẽ trong nhân dân Pháp, Chính quyền Mỹ, đứng đầu là G. Washington cùng với nhà ngoại giao B. Franklin đã tập trung khai thác sự thuận lợi này để thực hiện liên minh với Pháp; đồng

thời qua Pháp, Mỹ “kết bạn” với Đan Mạch, Hà Lan, Tây Ban Nha, Nga và Thụy Điển, đẩy Anh đi đến thế cô lập, tạo thế mạnh cho mình để giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh chống Anh. Phải chăng bài học về sự lợi dụng mâu thuẫn của đối phương, về sự tranh thủ ủng hộ của quốc tế để giữ vững thành quả cách mạng hầu như xuyên suốt mọi thời đại !

### Chú thích:

- 1) Tháng 12/1773, ba chiếc tàu chở chè của Công ty Đông Ấn Độ của Anh vào cảng Boston. Nhân dân Boston cải trang thành người Indian, tấn công ba chiếc tàu và ném các thùng chè xuống biển. Phản ứng lại hành động này, Chính phủ Anh ra lệnh đóng cảng Boston không cho tàu buôn vào. Sự kiện này được xem là duyên cớ làm bùng nổ cuộc Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ.
- 2) Bao gồm các thuộc địa: Connecticut, Delaware, Georgia, Maryland, Massachusetts, New Jersey, New York, New Hampshire, North Carolina, Pennsylvania, Rhode Island, South Carolina, Virginia.
- 3) J.A. Rickard & A. Hyma, Ancient, Medieval & Modern History. Barnes & Noble, Inc, New York, 1959, p. 164.
- 4) Jerald A. Combs & Arthur G. Combs, The History of American Foreign Policy. The McGraw-Hill Companies, Inc, 1986, p. 7.
- 5) Nguyễn Thế Anh, Lịch sử Hoa Kỳ từ độc lập đến chiến tranh Nam Bắc. Lửa thiêng xuất bản, 1969, tr. 37.
- 6) Jerald A. Combs & Arthur G. Combs, The History of American Foreign Policy. The McGraw-Hill Companies, Inc, 1986, p. 8.
- 7) Nguyễn Thế Anh, Lịch sử Hoa Kỳ từ độc lập đến chiến tranh Nam Bắc. Lửa thiêng xuất bản, 1969, tr. 37.
- 8) Jerald A. Combs & Arthur G. Combs, The History of American Foreign Policy. The McGraw-Hill Companies, Inc, 1986, p. 7.
- 9) Office of International Programs, An Outline of American History. United States Department of States, 1994, p. 76.
- 10) Office of International Programs, An Outline of American History. United States Department of States, 1994, p. 76.
- 11) Thomas P. Brockway, Basic Documents in USA Foreign Policy. Van Nostrand Company, Inc - Princeton, New Jersey, 1968, p. 10 - 11.
- 12) V.I. Lenin, Toàn tập, Tập 17 (Tiếng Việt). Nxb. Tiến bộ, Hà Nội, 1977, tr. 37.